

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2025
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Gái;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc E, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tô Văn T, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc E trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Vào khoảng năm 2003, chị và anh Tô Văn T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức

đám cưới theo phong tục tập quán, chung sống với nhau một thời gian mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 16/9/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống tại ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình chung sống với nhau, mỗi lần cự cãi, anh T thường đánh đập chị, anh T hay ghen tuông vô cớ, cha chồng thì nhiều lần xúc phạm chị. Do sống không được, nên chị đã bỏ đi làm, trong thời gian này chị vẫn để hai con ở nhà cho anh T nuôi dưỡng, nhưng anh T không chịu đi làm, cứ ở nhà. Hàng tháng chị gửi tiền về nuôi con, nhưng cứ mỗi lần anh T gọi cho chị không được, thì sẽ đánh hai con, đánh rất nhiều lần. Đến Tết năm 2025, các con gọi chị về đón hai con, nên chị đã về đón hai con lên sống cùng chị cho đến nay.

Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị muốn chấm dứt cuộc hôn nhân này để mỗi người có cuộc sống mới tốt hơn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh T có hai người con chung tên Tô Thị Như Q, sinh ngày 02/12/2014 và Tô Trí H, sinh ngày 07/7/2020. Hiện tại hai con chung đang sinh sống cùng với chị, nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị yêu cầu được nuôi con là do anh T nhiều lần đánh con, nên chị không muốn giao hai con cho anh T nuôi dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Tô Văn T trình bày tại phiên họp hòa giải như sau:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Ngọc E về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa vợ chồng anh chị là đúng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nhưng đó là việc vợ chồng nào cũng có. Vợ chồng anh thì nghèo, mà vợ anh ăn xài, cờ bạc, nên anh cũng hay cãi nhằn vợ anh, có một lần cách đây lâu rồi, khi hai đứa con còn nhỏ, mà vợ anh bỏ đi đám với bạn không cho anh hay, đến chiều mới về, khi về thấy con khóc quá, nên anh tức giận có đánh vợ một cái, từ đó về sau không có đánh vợ thêm lần nữa. Nguyên nhân mà vợ anh muốn ly hôn với anh, là do chị vợ muốn gả vợ anh nước ngoài để lấy tiền, nên xúi giục vợ anh bỏ anh như vậy. Anh còn thương vợ, nên không đồng ý ly hôn với anh.

- *Về quan hệ con chung:* Anh và chị Ngọc E có hai con chung như chị Ngọc E trình bày là đúng. Trước đây con sống cùng với anh, nhưng từ Tết 2025, thì chị Ngọc E đưa hai con đi đâu, anh không biết địa chỉ. Việc chị Ngọc E cho rằng anh đánh con mỗi khi không gọi được cho chị Ngọc E là không đúng, anh chỉ đánh con, khi các con không nghe lời thôi. Nếu chị Ngọc E cương quyết ly hôn, thì anh cũng đồng ý ly hôn, nhưng phải giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu chị Ngọc E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Anh và chị Ngọc E không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc E yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn T;

- Về quan hệ con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Tô Thị Như Q, sinh ngày 02/12/2014 và Tô Trí H, sinh ngày 07/7/2020 đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có, nên không yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết.

Bị đơn anh Tô Văn T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc E;

- Về quan hệ con chung: Anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Tô Thị Như Q, sinh ngày 02/12/2014 và Tô Trí H, sinh ngày 07/7/2020 đến tuổi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị Ngọc E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Ngọc E không có, nên không yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa trình bày như sau:

- Việc thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc E được ly hôn với anh Tô Văn T.

Về quan hệ con chung: Giao hai cháu tên Tô Thị Như Q, sinh ngày 02/12/2014 và Tô Trí H, sinh ngày 07/7/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc E và anh Tô Văn T thống nhất là không có, nên HĐXX không giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc E xin được ly hôn và nuôi con với anh Tô Văn T. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Tô Văn T có địa chỉ tại tổ A, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngọc E và T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 16/9/2019. Như vậy, hôn nhân giữa chị Ngọc E và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Ngọc E về việc xin ly hôn với anh T thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị Ngọc E và anh T có phát sinh mâu thuẫn, mà theo chị Ngọc E trình bày do mỗi lần cự cãi, anh T thường đánh đập chị, anh T hay ghen tuông vô cớ, cha chồng thì nhiều lần xúc phạm chị. Do sống không được, nên chị đã bỏ đi làm và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Còn anh T cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị Ngọc E không lớn, anh vẫn còn thương vợ, nên anh T không đồng ý ly hôn với chị Ngọc E.

Tuy nhiên, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị Ngọc E và anh T, anh chị đã ly thân hơn một năm nay, chị Ngọc E không còn tình cảm và không muốn sống chung với anh T, nên mối quan hệ này không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy, anh chị không thể xây dựng được gia đình hạnh phúc. Đồng thời, anh T cũng xác định trong thời gian chị Ngọc E và anh T sống ly thân với nhau, thì chị Ngọc E giấu địa chỉ và cắt đứt liên lạc với anh, chị Ngọc E không còn quan tâm đến anh nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Do đó, HĐXX xét thấy mục đích hôn nhân của chị Ngọc E và anh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc E và cho chị Ngọc E được ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị Ngọc E và anh T có hai người con chung tên Tô Thị Như Q, sinh ngày 02/12/2014 và Tô Trí H, sinh ngày 07/7/2020. Hiện tại hai con chung đang sinh sống cùng với chị Ngọc E, nên khi ly hôn chị Ngọc E yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị Ngọc E không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Còn anh T cho rằng, trước đây hai con sống cùng với anh, nhưng từ Tết 2025, thì chị Ngọc E đưa hai con đi đâu, anh không biết địa chỉ. Việc chị Ngọc E cho rằng anh đánh con mỗi khi không gọi được cho chị Ngọc E là không đúng, anh chỉ đánh con, khi các con không nghe lời thôi. Anh Tú yêu cầu được nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, anh T không yêu cầu chị Ngọc E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, từ Tết năm 2025 đến nay, thì chị Ngọc E là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Q và cháu Trí H. Hiện nay hai cháu vẫn phát triển bình thường, hai cháu đã quen với cuộc sống bên gia đình mẹ, do vậy không nên làm thay đổi hoàn cảnh, môi trường sống hiện tại của hai cháu. Đồng thời, cháu Như Q có tự khai thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ, khi cha mẹ ly hôn. Thêm vào đó, cháu Như Q và Trí H từ nhỏ đến nay chung sống quán quýt, chan hòa với nhau, do đó cũng không nên tách rời mỗi cháu một nơi, như vậy sẽ mất đi tình cảm anh em của các cháu.

Tại phiên tòa, chị Ngọc E xác định chị có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nếu chị Ngọc E không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung, làm ảnh hưởng đến lợi ích của con chung, thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp cháu Như Q và cháu Trí H phát triển tốt về mọi mặt, nên tiếp tục giao cho chị Ngọc E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Ngọc E và anh T đều được thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Ngọc E và anh T thống nhất anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị Ngọc E phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc E được ly hôn với anh Tô Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai cháu tên Tô Thị Như Q, sinh ngày 02/12/2014 và Tô Trí H, sinh ngày 07/7/2020 tiếp tục cho chị Nguyễn Thị Ngọc E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Nguyễn Thị Ngọc E nuôi con; anh Tô Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc E và anh Tô Văn T thống nhất anh chị không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc E phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ngọc E đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011107 ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị Ngọc E không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/5/2025); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Bình Sơn,
Hòn Đất, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh Huy

